BỘ CHÍNH TRỊ
BỘ CHÍNH TRỊ
12-08-2026 07:43:48 +07:00

BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG	ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
*	
Số 83-KL/TW	*Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2026*

KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ
về phát triển công nghiệp vật liệu Việt Nam

Trong những năm qua, ngành công nghiệp vật liệu ở Việt Nam đã từng bước phát triển, cơ bản đáp ứng nhu cầu về nhiều loại vật tư, nguyên liệu đầu vào cho nền kinh tế; đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế, xây dựng kết cấu hạ tầng, tạo việc làm, tăng thu ngân sách và xuất khẩu; bước đầu nghiên cứu, sản xuất một số loại vật liệu mới, vật liệu xanh, vật liệu tái chế; dần khẳng định vai trò là một trong những ngành công nghiệp nền tảng, có ý nghĩa chiến lược đối với sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Tuy nhiên, phát triển công nghiệp vật liệu chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế; chưa quan tâm đúng mức đến chế biến sâu, làm chủ công nghệ lõi, công nghệ cao, tái chế; sản xuất vật liệu còn nặng về khai thác, thâm dụng tài nguyên, tiêu hao nhiều năng lượng, giá trị gia tăng thấp, phát thải cao, gây ô nhiễm môi trường; cơ cấu sản phẩm chưa hợp lý; vật liệu chất lượng cao, vật liệu công nghệ cao và vật liệu đặc chủng phụ thuộc lớn vào nhập khẩu; chưa hình thành doanh nghiệp nòng cốt dẫn dắt các chuỗi giá trị; thiếu vốn đầu tư dài hạn cho các dự án vật liệu chiến lược; tình trạng lãng phí tài nguyên, khoáng sản chiến lược còn lớn, hiệu quả sử dụng nguồn lực tài nguyên thấp; vi phạm pháp luật trong khai thác tài nguyên còn xảy ra ở nhiều nơi.

Nguyên nhân của những hạn chế, yếu kém trên chủ yếu do cơ chế, chính sách phát triển ngành còn phân tán, chưa đồng bộ; thiếu chiến lược phát triển tổng thể, tầm nhìn dài hạn, đủ mạnh, tích hợp đồng bộ toàn bộ chuỗi giá trị vật liệu quốc gia; quy hoạch chồng chéo, dàn trải, chậm quy hoạch chuỗi chế biến sâu; đầu tư hạ tầng nghiên cứu và phát triển hệ thống các phòng thử nghiệm, kiểm định đạt chuẩn quốc tế còn hạn chế; liên kết giữa nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng và sản xuất kinh doanh còn khoảng cách lớn; chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu; dự báo chưa sát nhu cầu thực tiễn, chưa gắn với năng lực công nghệ cốt lõi; tư duy quản lý còn thiếu tính tổng thể, phối hợp liên ngành chưa chặt chẽ.

Để thúc đẩy phát triển nhanh, bền vững ngành công nghiệp vật liệu, thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng và các nghị quyết, kết luận của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, về phát triển năng lượng, giáo dục và đào tạo, quốc phòng, an ninh, Bộ Chính trị yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, cơ quan quản lý nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, đoàn thể các cấp tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

1. Quán triệt, thống nhất nhận thức công nghiệp vật liệu là ngành công nghiệp nền tảng, có yếu tố quyết định năng lực tự chủ chiến lược, năng lực cạnh tranh quốc gia và khả năng làm chủ các công nghệ lõi; là yếu tố đầu vào, điều kiện tiên quyết để phát triển các lĩnh vực thiết yếu và sản phẩm công nghệ chiến lược. Phát triển công nghiệp vật liệu là nhiệm vụ chiến lược của quốc gia, góp phần quan trọng thúc đẩy đất nước phát triển nhanh, bền vững, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường.

Phát triển công nghiệp vật liệu có trọng tâm, trọng điểm, không dàn trải, manh mún; tập trung nguồn lực vào những khâu, lĩnh vực then chốt, nền tảng, có khả năng lan toả, dẫn dắt các ngành, lĩnh vực khác; gắn sản xuất với nhu cầu thị trường và yêu cầu chuyển đổi theo hướng xanh, tái chế, tuần hoàn, giảm phát thải, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên, năng lượng; bảo đảm quốc phòng, an ninh; thúc đẩy hội nhập quốc tế.

Chuyển từ khai thác lợi thế tài nguyên sang làm chủ công nghệ vật liệu; từ phát triển theo chiều rộng sang phát triển theo chiều sâu; từ tham gia chuỗi cung ứng sang từng bước làm chủ những công đoạn có giá trị gia tăng cao trong chuỗi giá trị toàn cầu; lấy hiệu quả chiến lược lâu dài, sức mạnh nội sinh và năng lực cạnh tranh tổng hợp làm thước đo chủ yếu. Quản lý thống nhất, chặt chẽ khoáng sản chiến lược theo chuỗi giá trị từ thăm dò, điều tra cơ bản, quy hoạch, khai thác, tinh chế, sản xuất vật liệu ứng dụng đến tái chế và dự trữ chiến lược; hạn chế tối đa xuất khẩu khoáng sản thô; bảo đảm khai thác, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả và bền vững tài nguyên quốc gia.

2. Tiếp tục rà soát, hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật liên quan, nhất là pháp luật về khoáng sản, chuyển giao công nghệ, đầu tư, đất đai, môi trường theo hướng hiện đại, hội nhập, minh bạch, ổn định, tạo môi trường thuận lợi, an toàn cho đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp vật liệu. Nghiên cứu, ban hành theo thẩm quyền các cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội để làm chủ công nghệ sản xuất vật liệu chiến lược, vật liệu giá trị cao, vật liệu phục vụ

công nghiệp bán dẫn, năng lượng mới, quốc phòng, an ninh, vật liệu lưỡng dụng và vật liệu phục vụ các ngành công nghiệp tương lai.

Xây dựng hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn đồng bộ, thống nhất, phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Xây dựng hệ thống kỹ thuật quốc gia về xuất xứ, chất lượng, an toàn và môi trường đối với nguyên liệu, vật liệu nhập khẩu, hướng đến tạo dựng hàng rào phòng vệ kỹ thuật hợp pháp, bảo vệ thị trường và thúc đẩy tiêu dùng vật liệu xanh sản xuất trong nước.

Trong năm 2026, xây dựng và ban hành Chiến lược quốc gia phát triển công nghiệp vật liệu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với chủ trương, định hướng của Nghị quyết Đại hội XIV của Đảng, các nghị quyết chiến lược của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị và các chiến lược về phát triển kinh tế - xã hội, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, công nghiệp hoá, hiện đại hoá, tăng trưởng xanh, năng lượng quốc gia, đất hiếm và các chiến lược ngành, lĩnh vực có liên quan. Nghiên cứu hình thành cơ chế điều phối quốc gia thống nhất về phát triển công nghiệp vật liệu.

Hoàn thiện quy hoạch liên quan đến công nghiệp vật liệu bảo đảm đồng bộ, thống nhất với Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh; kết hợp chặt chẽ phát triển công nghiệp vật liệu với phát triển kết cấu hạ tầng chiến lược, các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu chế xuất, bố trí hợp lý theo các vùng động lực, hành lang kinh tế, gắn với các trung tâm kinh tế lớn, cảng biển, cửa khẩu quốc tế. Hình thành các chuỗi công nghiệp vật liệu khép kín từ khai thác, chế biến, chế biến sâu đến sản phẩm ứng dụng cuối cùng đối với đất hiếm; vật liệu pin, nam châm, vật liệu từ; vật liệu điện tử, bán dẫn; nhôm, thép, titan, kim loại màu, hợp kim đặc chủng; vật liệu hoá chất, phân bón, carbon, vật liệu lưỡng dụng... Xác định rõ các phân ngành ưu tiên, vùng trọng điểm phát triển; có cơ chế, chính sách ưu đãi đủ mạnh, có điều kiện, có thời hạn, gắn với kết quả đầu ra cho các dự án quy mô lớn và nhà đầu tư chiến lược có năng lực quản trị hiện đại, cam kết chuyển giao công nghệ lõi, công nghệ tiên tiến.

Đánh giá đầy đủ, khách quan hiện trạng tài nguyên, trữ lượng, điều kiện khai thác, kể cả các khu vực biển sâu, biển xa, công nghệ chế biến, nhu cầu thị trường, xây dựng cơ sở dữ liệu thống nhất, hiện đại, làm căn cứ xác định mục tiêu, lộ trình, mô hình phát triển, phân công, phân cấp, phân quyền rõ ràng, gắn với cơ chế kiểm tra, giám sát, đánh giá cụ thể. Trong năm 2027, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về ngành vật liệu; hoàn thiện, liên thông dữ liệu về địa chất, khoáng sản. Đến năm 2028, phấn đấu hình thành tối thiểu 3 - 5 trung tâm

nghiên cứu vật liệu quốc gia. Đến năm 2030, làm chủ một số công nghệ chế biến sâu đất hiếm, vật liệu bán dẫn, vật liệu pin; phấn đấu tỉ lệ nội địa hoá một số vật liệu chiến lược đạt 50%.

Ưu tiên bố trí nguồn lực ổn định, dài hạn cho nghiên cứu cơ bản vật liệu chiến lược, vật liệu tương lai. Tăng cường năng lực dự trữ quốc gia một số vật liệu, khoáng sản then chốt, chiến lược; bảo đảm an ninh chuỗi cung ứng vật liệu, giảm mạnh phụ thuộc vào nhập khẩu đối với các vật liệu thiết yếu.

3. Phát triển đồng bộ công nghiệp vật liệu theo 3 nhóm: Vật liệu cơ bản, vật liệu chiến lược và vật liệu tương lai.

3.1. Giữ vững năng lực sản xuất, ổn định cung ứng, nâng cao chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh đối với các nhóm vật liệu cơ bản. Ưu tiên hiện đại hoá, nâng cao hiệu quả, hình thành các chuỗi cung ứng nguyên liệu ổn định, bền vững, đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu, phục vụ các công trình hạ tầng chiến lược quốc gia. Tiếp tục sắp xếp, cơ cấu lại ngành luyện kim, hoá chất, polymer, cao su kỹ thuật, vật liệu xây dựng theo hướng hiện đại, tiết kiệm năng lượng, tài nguyên, thân thiện môi trường, tăng nhanh tỉ trọng sản phẩm có hàm lượng công nghệ, giá trị gia tăng cao; hạn chế tối đa xuất khẩu khoáng sản thô; hình thành các tổ hợp, trung tâm công nghiệp vật liệu quy mô lớn, gắn với vùng nguyên liệu, cảng biển, hệ thống logistics hiện đại và các trung tâm công nghiệp, đô thị lớn. Chủ động điều tiết quy mô, cơ cấu các ngành xi măng, kính xây dựng, gạch, gốm, vật liệu hoàn thiện phù hợp với nhu cầu thị trường; khắc phục tình trạng dư thừa công suất, cạnh tranh không lành mạnh; thúc đẩy mạnh mẽ sử dụng vật liệu không nung, vật liệu tái chế, vật liệu thân thiện môi trường, vật liệu thay thế cát tự nhiên; phát triển kinh tế tuần hoàn trong sản xuất vật liệu xây dựng.

3.2. Huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực nhà nước, đồng thời thu hút mạnh mẽ nguồn lực khu vực tư nhân và đầu tư nước ngoài để từng bước tiếp cận, làm chủ công nghệ, chuỗi cung ứng đối với các vật liệu chiến lược, như vật liệu bán dẫn, vật liệu điện tử, đất hiếm, vật liệu pin và lưu trữ năng lượng, vật liệu từ tính, hợp kim đặc chủng, vật liệu phục vụ quốc phòng, an ninh, vật liệu cho năng lượng tái tạo, hàng không vũ trụ và các ngành công nghiệp công nghệ cao khác. Ban hành và tổ chức thực hiện Chiến lược quốc gia về đất hiếm giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 theo hướng phát triển đồng bộ, bền vững, tuần hoàn, an toàn; lấy chế biến sâu làm trọng tâm, không xuất khẩu thô; gắn khai thác, chế biến với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng, an ninh, lợi ích lâu dài, bền vững của đất nước.

3.3. Chủ động nghiên cứu, chuẩn bị từ sớm, từ xa đối với vật liệu tương lai, gắn với xu thế công nghệ mới trên thế giới, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển lâu dài của đất nước. Đẩy mạnh nghiên cứu, làm chủ khoa học, công nghệ nền tảng, theo dõi, dự báo chính xác xu hướng phát triển công nghệ, thị trường; từng bước hình thành chuỗi giá trị, chuyển từ quy mô nghiên cứu sang thương mại hoá đối với các nhóm vật liệu như vật liệu nano thế hệ mới, vật liệu hai chiều thế hệ mới, vật liệu lượng tử, vật liệu sinh học, vật liệu thông minh, vật liệu tự phục hồi, vật liệu siêu dẫn, composite thế hệ mới, các vật liệu hấp thụ, lưu trữ, chuyển hoá năng lượng thế hệ mới và các vật liệu tiên tiến khác. Quản lý, kiểm soát đặc biệt việc khai thác, chế biến một số vật liệu đặc biệt quan trọng đối với quốc phòng, an ninh, an ninh tiền tệ như khoáng sản phóng xạ, vàng...

Xác định rõ tiềm năng, lợi thế so sánh, khả năng tự chủ, nguồn lực, cơ hội thị trường để lựa chọn các nhóm vật liệu ưu tiên, bảo đảm phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp quốc gia, chiến lược quốc phòng, an ninh và xu hướng chuyển dịch chuỗi giá trị toàn cầu. Giai đoạn đến năm 2030, tập trung hoàn thiện cơ chế, chính sách, ưu tiên nguồn lực phát triển một số nhóm vật liệu chiến lược, trọng điểm, trước hết là: Vật liệu bán dẫn; vật liệu đất hiếm; vật liệu cho pin và lưu trữ năng lượng; vật liệu mới; vật liệu đặc chủng, lưỡng dụng phục vụ công nghệ cao, công nghiệp quốc phòng, an ninh, năng lượng tái tạo và chuyển đổi số.

4. Xác định khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và nguồn nhân lực chất lượng cao là động lực chủ yếu thúc đẩy phát triển công nghiệp vật liệu; các viện nghiên cứu, trường đại học là nền tảng cho nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng; doanh nghiệp Việt Nam, nhất là doanh nghiệp tư nhân, là trung tâm, chủ thể chính trong thương mại hoá công nghệ, tổ chức sản xuất, tham gia chuỗi cung ứng; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài là kênh quan trọng kết nối, chuyển giao công nghệ, mở rộng thị trường, tham gia mạng lưới sản xuất và chuỗi giá trị toàn cầu.

Hình thành hệ sinh thái đổi mới sáng tạo trong ngành công nghiệp vật liệu theo mô hình "Nhà nước kiến tạo - doanh nghiệp trung tâm - viện, trường nền tảng - địa phương là không gian thực thi". Trong đó, Nhà nước tập trung xây dựng, hoàn thiện thể chế, ưu tiên bố trí nguồn lực đầu tư cho hạ tầng nghiên cứu chiến lược, các phòng thí nghiệm trọng điểm, trung tâm thử nghiệm, kiểm định, đo lường, đánh giá chất lượng vật liệu đạt chuẩn khu vực và quốc tế; xây dựng các cơ sở nghiên cứu dùng chung phục vụ cộng đồng doanh nghiệp, viện

nghiên cứu, trường đại học. Doanh nghiệp là trung tâm đổi mới sáng tạo, chủ thể đặt hàng, tiếp nhận, thương mại hoá công nghệ, nhất là công nghệ lõi. Cơ sở đào tạo, nghiên cứu đảm nhiệm nghiên cứu cơ bản, nghiên cứu ứng dụng, đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, chuyển giao tri thức, công nghệ; gắn kết chặt chẽ với các viện nghiên cứu, trường đại học, đội ngũ chuyên gia trong và ngoài nước nhằm tạo đột phá về năng lực nghiên cứu, sản xuất vật liệu mới. Địa phương tổ chức thực thi phù hợp với quy hoạch, lợi thế và định hướng phát triển chung. Hoàn thiện cơ chế, chính sách khuyến khích, hỗ trợ hình thành và phát triển các doanh nghiệp vật liệu lớn, có năng lực cạnh tranh khu vực và quốc tế, có khả năng dẫn dắt chuỗi giá trị, đi đầu trong đổi mới công nghệ, quản trị hiện đại, tham gia sâu vào mạng lưới sản xuất và chuỗi cung ứng toàn cầu. Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ cho doanh nghiệp thực hiện một số nhiệm vụ trọng điểm về phát triển công nghiệp vật liệu chiến lược, vật liệu mới.

Tập trung xây dựng mạng lưới trung tâm nghiên cứu, vườn ươm công nghệ; phát huy vai trò quỹ đầu tư mạo hiểm trong phát triển vật liệu mới, vật liệu bán dẫn, đất hiếm, vật liệu pin và năng lượng mới, vật liệu chiến lược và vật liệu tương lai; nâng cao năng lực thiết kế, mô phỏng, thử nghiệm, chế tạo, làm chủ công nghệ vật liệu tiên tiến. Ứng dụng mạnh mẽ trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán hiệu năng cao và các công nghệ số mới trong nghiên cứu, thiết kế, sản xuất, quản trị, thương mại hoá sản phẩm vật liệu. Thiết lập bản đồ số tài nguyên khoáng sản, chuỗi giá trị, chuỗi cung ứng vật liệu chiến lược.

Triển khai chương trình quốc gia về đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho công nghiệp vật liệu; chú trọng phát triển đội ngũ chuyên gia đầu ngành, nhà khoa học trình độ cao, kỹ sư lành nghề trong các lĩnh vực vật liệu chiến lược, vật liệu tương lai, công nghệ chế biến sâu, chuyển đổi số trong ngành vật liệu. Khẩn trương xây dựng và triển khai cơ chế, chính sách đặc biệt thu hút, trọng dụng, đãi ngộ nhân tài trong nước và người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia quốc tế và các tập đoàn công nghệ toàn cầu, thiết lập các nhóm nghiên cứu mạnh, tạo đột phá nhanh trong phân khúc vật liệu chiến lược, vật liệu tương lai, tận dụng tối đa dòng vốn và dịch chuyển công nghệ toàn cầu; khuyến khích liên kết đào tạo với các cơ sở khoa học, công nghệ, giáo dục đại học tiên tiến trên thế giới.

5. Có cơ chế thúc đẩy việc chuyển đổi, nâng cấp toàn diện các cơ sở sản xuất vật liệu theo hướng phát triển xanh, bền vững, sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên và năng lượng, giảm phát thải khí nhà kính. Xây dựng và triển khai hiệu quả các cơ chế khuyến khích nghiên cứu, sản xuất và sử dụng vật liệu

thân thiện môi trường, vật liệu thay thế, vật liệu không nung, vật liệu tái chế từ chất thải xây dựng, tro xỉ, phế thải công nghiệp. Quản lý, giám sát chặt chẽ hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản, nhất là khoáng sản chiến lược; loại bỏ, chấm dứt hoạt động các cơ sở sử dụng công nghệ lạc hậu, gây lãng phí, thất thoát tài nguyên, ô nhiễm môi trường; xác lập nghĩa vụ bắt buộc về hoàn nguyên, phục hồi môi trường, phục hồi hệ sinh thái sau khai thác. Tăng cường giám sát, thanh tra, kiểm tra; ứng dụng công nghệ số, dữ liệu vệ tinh trong giám sát sản lượng khai thác, chất lượng môi trường. Xử lý nghiêm hành vi vi phạm pháp luật về khoáng sản, môi trường, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực, lợi ích nhóm trong quản lý, khai thác, sử dụng tài nguyên.

6. Đẩy mạnh hợp tác, hội nhập quốc tế; có cơ chế, chính sách ưu đãi đủ mạnh, đủ sức cạnh tranh để thu hút các dự án lớn, công nghệ cao, các tập đoàn công nghệ, doanh nghiệp vật liệu hàng đầu thế giới đầu tư, đặt trụ sở, trung tâm nghiên cứu và phát triển tại Việt Nam; gắn việc áp dụng các chính sách ưu đãi với yêu cầu tạo liên kết với các doanh nghiệp trong nước, đào tạo, chuyển giao công nghệ, tăng tỉ lệ nội địa hoá, tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu. Chủ động lựa chọn đối tác chiến lược, đẩy mạnh hợp tác song phương, đa phương trong các lĩnh vực then chốt như vật liệu cho trí tuệ nhân tạo, bán dẫn, lượng tử, quốc phòng, an ninh, năng lượng mới, năng lượng tái tạo.

Chủ động tham gia xây dựng, hài hoà tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc tế; xây dựng hệ thống kỹ thuật đáp ứng các yêu cầu về truy xuất nguồn gốc, chất lượng, an toàn, vật liệu xanh, phát thải carbon và kinh tế tuần hoàn; hoàn thiện hàng rào kỹ thuật, sử dụng các biện pháp phòng vệ thương mại phù hợp để bảo vệ thị trường, thúc đẩy tiêu dùng vật liệu xanh sản xuất trong nước và chống gian lận thương mại. Tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp Việt Nam đầu tư ra nước ngoài, mua, sáp nhập doanh nghiệp, tiếp cận nguồn tài nguyên, công nghệ, thị trường mới.

7. Tổ chức thực hiện

- Đảng uỷ Quốc hội phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách liên quan đến phát triển công nghiệp vật liệu; nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện pháp luật về công nghiệp vật liệu và về quản lý, phát triển vật liệu xây dựng; tăng cường giám sát tổ chức thực hiện, bảo đảm công nghiệp vật liệu phát triển đúng định hướng, đồng bộ, hiệu quả, gắn với yêu cầu tự chủ, hiện đại hoá và nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.

- Đảng uỷ Chính phủ lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động và tổ chức triển khai thực hiện Kết luận; chỉ đạo xây dựng và ban hành Chiến lược quốc gia phát triển công nghiệp vật liệu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 trong quý IV/2026; chỉ đạo các bộ, ngành, địa phương rà soát, hoàn thiện hệ thống quy hoạch, đề xuất xây dựng, hoàn thiện cơ chế, chính sách đặc thù trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; ưu tiên bố trí nguồn lực thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nêu tại Kết luận.

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, các đảng uỷ trực thuộc Trung ương, các ban đảng Trung ương tổ chức nghiên cứu, quán triệt, xây dựng chương trình, kế hoạch lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức thực hiện tốt Kết luận.

- Ban Tuyên giáo Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Kết luận.

- Đảng uỷ Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể Trung ương, các tổ chức chính trị - xã hội tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội, tham gia xây dựng pháp luật, cơ chế, chính sách; tuyên truyền, vận động các tầng lớp Nhân dân tích cực thực hiện Kết luận.

- Ban Chính sách, chiến lược Trung ương chủ trì, phối hợp với Đảng uỷ Chính phủ và các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giám sát, định kỳ sơ kết, tổng kết việc thực hiện Kết luận, báo cáo Bộ Chính trị.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
BAN CHẤP HÀNH TRUNG ƯƠNG

Trần Cẩm Tú

Nơi nhận:
- Các cơ quan, ban đảng Trung ương;
- Các tỉnh uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Trung ương;
- Các đảng uỷ bộ, ngành, tổ chức chính trị - xã hội ở Trung ương;
- Các đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng;
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.